

DANH SÁCH LÊN LỚP NĂM 2011 - 2012

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-CĐ CTIM ngày: / /)
của Hiệu trưởng Trường CĐ CTIM

Khóa học : C12_10

Hệ ĐT : Cao đẳng chính quy

Ngành : Quản trị kinh doanh

Lớp học : Quản trị kinh doanh 1 - K12

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	XL RL	ĐIỂM TRUNG BÌNH			ĐVHT KĐ	TỔNG ĐVHT
				HK-1	HK-2	CN		
1	1010090001	Huỳnh Thùy An		6.88	7.35	7.09		109
2	1010090002	Tô Hoài Anh		5.58	5.33	5.47	8	109
3	1010090006	Huỳnh Thị Kim Anh		5.92	6.23	6.06		109
4	1010090007	Nguyễn Gia Bảo		6.31	6.02	6.18	3	109
5	1010090008	Vũ Văn Bốn		7.44	7.33	7.39		109
6	1010090010	Nguyễn Thu Cúc		6.97	7.29	7.11		109
7	1010090011	Nguyễn Hạ Băng		6.36	6.69	6.51		109
8	1010090012	Lê Thị Thanh Đào		8.00	7.71	7.87		109
9	1010090013	Cao Thành Đạt		7.72	6.77	7.29		109
10	1010090014	Nguyễn Tiến Đạt		6.23	6.40	6.31		109
11	1010090015	Nguyễn Hữu Đạt		6.20	6.62	6.39		109
12	1010090016	Trần Hồng Diễm		6.34	7.06	6.66		109
13	1010090017	Lê Thị Thủy Diên		6.16	7.37	6.70	4	109
14	1010090018	Nguyễn Thị Diệu		5.84	6.87	6.30		109
15	1010090019	Giảng Thị Thanh Điều		6.72	6.00	6.40		109
16	1010090020	Nguyễn Văn Đức		7.00	6.98	6.99		109
17	1010090021	Đặng Thị Thùy Dương		6.25	6.54	6.38		109
18	1010090023	Nguyễn Hoàng Duy		6.59	5.77	6.22		109
19	1010090024	Đặng Thị Hồng Gấm		7.36	7.46	7.41		109
20	1010090025	Lê Hoàng Bảo Giang		5.83	5.58	5.72	4	109
21	1010090026	Trần Thị Ngọc Hà		5.91	6.52	6.18		109
22	1010090028	Trịnh Đình Hải		6.06	6.29	6.16		109
23	1010090029	Nguyễn Khắc Hải		6.34	5.37	5.91		109
24	1010090031	Trần Ngọc Hân		5.77	6.44	6.07	4	109
25	1010090032	Phạm Thị Hằng		5.31	5.58	5.43	10	109
26	1010090034	Lê Thị Bích Hạnh		6.67	6.75	6.71		109
27	1010090035	Lê Song Hào		6.11	6.56	6.31		109
28	1010090036	Nguyễn Thu Hiền		6.05	6.13	6.09		109
29	1010090038	Đặng Thị Thanh Hiền		6.23	6.25	6.24		109
30	1010090039	Võ Minh Hiển		5.84	6.38	6.09		109
31	1010090041	Trịnh Minh Hiếu		6.11	6.69	6.37		109

TT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	XL RL	ĐIỂM TRUNG BÌNH			ĐVHT KĐ	TỔNG ĐVHT
				HK-1	HK-2	CN		
32	1010090042	Trình Thị Thanh Hoa		6.75	6.52	6.65		109
33	1010090044	Đỗ Trọng Hòa		5.50	6.17	5.80	4	109
34	1010090045	Phan Trọng Hoài		6.25	5.90	6.09		109
35	1010090046	Bùi Lê Thanh Hoàng		6.27	6.44	6.34		109
36	1010090047	Trần Thị Thu Hồng		7.08	7.79	7.40		109
37	1010090048	Nguyễn Thị Ánh Hồng		5.52	6.67	6.03		109
38	1010090049	Vòng Thái Hưng		5.22	5.83	5.49	8	109
39	1010090050	Phan Diễm Hương		6.80	6.37	6.60		109
40	1010090051	Vũ Thị Hương		5.94	6.21	6.06	5	109
41	1010090052	Nguyễn Thị Hương		6.33	7.46	6.84		109
42	1010090053	Nguyễn Thị Kim Hương		6.61	6.79	6.69		109
43	1010090054	Dương Ngọc Huy		6.83	6.69	6.77		109
44	1010090055	Nguyễn Bích Huyền		7.56	6.63	7.15		109
45	1010090056	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		7.13	7.87	7.46		109
46	1010090057	Nguyễn Văn Khải		5.64	6.21	5.90		109
47	1010090058	Nguyễn Minh Khang		5.77	6.23	5.97		109
48	1010090059	Hoàng Diệu Khanh		5.55	6.35	5.91		109
49	1010090060	Mai Quốc Khánh		5.80	5.98	5.88	4	109
50	1010090061	Phạm Nguyễn Viết Khánh		5.30	5.83	5.53	4	109

Tổng số : 50

TP. Hồ Chí Minh, ngày/..../ 20....

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI LẬP BẢNG